TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 280/2018/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 10 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 402/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H , sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị C, sinh năm 1958. Địa chỉ: phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp P, xã H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Phạm Văn H và bà Trương Thị Thanh T gồm: phần đất thuộc thửa số 292 tờ bản đồ số 40 tọa lại tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre diện tích 164,1 m^2 có giá trị 112.050.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản ngày 06/02/2018).

Bà Trương Thị Thanh T được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 164,1 m^2 thuộc thửa 292 tờ bản đồ số 40 tọa lại tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre. Bà Trương Thị Thanh T chịu trách nhiệm hoàn lại cho ông Phạm Văn H ½ giá trị tài sản chung với số tiền là 56.025.000 (Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng vào ngày 10/10/2018.

Kể từ ngày 10/10/2018, nếu số tiền trên chưa thi hành thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc bà T tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cho ông H với số tiền là 143.975.000 (một trăm bốn mươi ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, việc này ông H và bà T đã tự thực hiện xong.

Ngoài thửa đất số 292 tờ bản đồ số 40 là tài sản chung nêu trên, các tài sản khác mà bà T đang quản lý, sử dụng thì ông H và bà T đều thống nhất là tài sản riêng của bà T, ông H không tranh chấp.

Đối với các thửa đất số 294, 295, 296, 297, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị C và thửa đất số 293, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị Thanh Th, ông H và bà T xác định không tranh chấp.

2.2. Chi phí đo đạc, định giá là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng ông Phạm Văn H tự nguyện chịu, số tiền này ông H đã nộp xong.

2.3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trương Thị Thanh T phải chịu là 1.400.500 (một triệu bốn trăm nghìn năm trăm) đồng.

Ông Phạm Văn H phải chịu là 1.400.500 (một triệu bốn trăm nghìn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 26.250.000 (hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011487 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho ông H số tiền chênh lệch là 24.849.500 (hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPBT;
- Tòa án tỉnh BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPBT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi